TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/DS-PT
Ngày: 25/4/2023

V/v *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 578/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 917/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Sinh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà L: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993, địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

** Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1964, địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2022, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Phần đất tranh chấp thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 01, diện tích 3982m^2 nay là thửa số 20, tờ số 02, diện tích 3288m^2, có nguồn gốc của ông bà để lại cho cha ông và cha ông để lại cho ông, ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Phần đất của ông giáp với thửa đất số 61 của ông Nguyễn Sinh T và giáp với đất của Nguyễn Văn T1, ông G, ông L và một cạnh còn lại giáp với kênh sông. Phần đất giáp với đất ông T1 và đất ông G có mương ổn định, còn phần ranh giáp với ông Th (cha ông T, hiện do ông T quản lý sử dụng) thì chưa có mương, thời gian sau ông Th là cha ông T mới vét mương. Phần đất mương ông Th vét là đất của ông, ông Th có hỏi ông vét mương có chiều ngang là 0,3m đất, chiều dài khoảng 50 - 60 m đất, nay mương rộng gần 1m đất, trên bờ mương ông Th vét bỏ đất thì ông trồng dừa thu hoạch trái. Từ khi ông T về quản lý thì y như vậy mà sử dụng.

Năm 2014 đo Vlap, ông không có ở nhà nên ông T đã cắm trụ ranh qua mương đất, qua mương dừa của ông, làm đất ông bị thiếu diện tích nhiều. Khi ông lấy sổ đỏ thì thấy diện tích đất bị giảm từ 3982m^2 xuống còn 3288m^2, ông không đồng ý lấy sổ nhưng cán bộ cấp sổ nói đo nhiêu cấp nhiêu. Trước đó ông T làm chuồng bò lấn qua đất của ông, ông đã cản nhưng khi đo Vlap ông T chỉ ranh qua đất của ông. Đầu năm 2020 ông T dự định làm hàng rào nhưng không thống nhất ranh nên ông không cho làm hàng rào, ông T gửi đơn ra xã hòa giải, biên bản hòa giải ghi là ông về hỏi cha ông nếu cha ông cho ông T đốn dừa thì ông cho ông T đốn dừa làm hàng rào. Sau đó xã mời lần 2 thì ông cho ông T đốn 5 cây dừa với số tiền bồi thường cho ông là 3.000.000 đồng, sau đó ông T cho người đốn dừa và đã đốn 4 cây dừa đến cây dừa thứ năm thì không thống nhất do ông T không chịu cắm trụ ranh giữa mương, ông T đòi cắm trụ ranh trên bờ mương, dẫn đến

không thống nhất ranh nên ông không cho ông T đốn dừa tiếp và cũng không cho làm hàng rào tiếp nhưng ông T vẫn cương quyết làm hàng rào đến cùng.

Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu ông T và bà L di dời tài sản là hàng rào và cây trồng trên đất để trả cho ông phần đất có diện tích là 173,2m^2 và bồi thường cho ông 4 cây dừa theo giá của Hội đồng định giá đã định là 1.650.000đ/cây x 4 cây thành tổng số tiền 6 .600.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T trình bày: đất ông P qua đo đạc thực tế thì thiếu nhiều so với diện tích được cấp vào năm 1995, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P được cấp năm 2015 thì thiếu hơn 600m^2 đất so diện tích được cấp năm 1995, khi đến nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, ông P thấy diện tích mất nhiều nên không đồng ý nhận nhưng cán bộ tiếp dân vẫn kêu ông nhận sổ, còn vấn đề thiếu dư tính sao, do ông P là nông dân không biết khiếu nại nên từ đó đến nay ông không có khiếu nại. Phần đất được ghi chú số (2) trong bản vẽ, có diện tích 600,9 m^2 nằm ngoài sổ đỏ của ông T là ông không đồng ý, ông T đang quản lý sử dụng phần diện tích 600,9 m^2 và ông T chỉ đo nên phần này chưa rõ, đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để làm rõ phần diện tích 600,9 m^2 có cấp sổ đỏ của ông T không, vì nếu có cấp vào sổ đỏ cho ông T thì khi cộng phần diện tích này thì đất của ông T hơn 7000m^2 và dư rất nhiều so với diện tích được cấp.

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện cho bị đơn Nguyễn Sinh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ L là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Phần đất ông T thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 01, diện tích 6476m^2 nay là thửa số 13, tờ số 02, diện tích 6474,2m^2, mục đích sử dụng: đất cây lâu năm. Đất ông có nguồn gốc của ông bà để lại cho cha ông là Nguyễn Văn Th đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2008 thì cha ông tặng cho ông thửa đất này. Hiện ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Đất ông T giáp với ông P, giáp 02 đầu với đất ông Phạm Văn L, một mặt còn lại thì giáp kênh. Phần giáp với đất của ông L có mương ổn định, phần giáp với đất ông P cũng có mương, phần mương giáp với đất ông P thì cha ông cũng vét mương trên đất của cha ông, khi vét có chừa bờ.

Đất của ông sử dụng từ trước đến nay có ranh ổn định, trước đây cha ông vét ao nuôi cá và làm lúa, sau đó cha ông lên bờ trồng dừa nên xung quanh đất cha ông đều có vét mương, khi vét mương là vét trên đất nhà, bờ mương vẫn nằm trong đất nhà. Phần đất phía trước giáp với đất ông T, bà con đi nên cha ông chừa bờ mương khoản 2m đất cho bà con đi làm ruộng. Ông P nói cha ông vét mương

trên đất ông P là không đúng.

Năm 2014 đo Vlap cha ông P với các chủ đất xung quanh đều có ra chỉ ranh cắm trụ đến khi Vlap xuống đo là đo theo trụ ranh đã thống nhất. Sau khi đo xong thì năm 2015 ông làm chuồng bò, phần đất chuồng bò vẫn thuộc đất của ông. Đến năm 2020 ông mới bàn với ông P về ranh để làm hàng rào. Lúc này ông với ông P kéo dây thì có vướng mấy cây dừa của ông P trồng giáp ranh, thân và ngọn dừa nghiêng qua đất của ông, hai bên thoả thuận đốn 05 cây dừa của ông P và ông T hỗ trợ cho ông P với giá 600.000đ/01 cây, ông T đã đốn 4 cây đến cây thứ 5 thì ông P đổi ý không cho đốn nên xảy ra tranh chấp, chính quyền có hòa giải nhưng không thành. Sau khi xảy ra sự việc trên ông vẫn tiếp tục làm hàng rào, ở vị trí cây dừa số 5 của ông P thì ông chừa ra nên hàng rào không thẳng.

Qua đo đạc thực tế đất ông bị thiếu, đất ông P dư nên việc ông P yêu cầu ông T và bà L di dời hàng rào trả đất có diện tích là 173,2m^2, ông P, bà L không đồng ý. Về bồi thường dừa thì ông P đồng ý cho chặt dừa để làm hàng rào nên ông mới đốn và tiền dừa theo hỗ trợ giá là 600.000đ/cây, ông mới đốn có 4 cây nên chỉ đồng ý trả tiền 4 cây dừa đã đốn thành tiền là 2.400.000 đồng. Nay ông bà đồng ý bồi thường cho ông P 4 cây dừa theo giá của Hội đồng định giá đã định là 1.650.000đ/cây x 4 cây thành tổng số tiền 6 .600.000 đồng.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS, Điều 175, 197, 199, 221, 688 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Sinh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ L phải di dời hàng rào trả lại cho nguyên đơn ông P phần đất qua đo đạc thực tế là 173,2m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 2 thuộc phần số [4] của bản vẽ ngày 08/5/2022, đất tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ đo ngày 08/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại 04 cây dừa bị xâm phạm. Buộc bị đơn ông Nguyễn

Sinh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới bồi thường 4 cây dừa với số tiền là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, BLTTDS 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS - ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên toà, kết quả tranh luận, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất mà các bên tranh chấp có diện tích 173,2m^2, ông P cho rằng thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 01 (thửa đất cũ) của gia đình ông, năm 2015 Uỷ ban nhân dân huyện B cấp đổi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 3288,3m^2. Khi Uỷ ban nhân dân huyện B làm thủ tục cấp đổi phần đất cho ông, thì cơ quan chức năng đã tiến hành đo Vlap không đúng hiện trạng sử dụng đất thực tế, phần đất mà gia đình ông sử dụng có diện tích là 3982,0m^2 nhưng khi đo đạc ông không có ở nhà và ông T đã cắm trụ ranh qua mương đất, qua mương dừa của ông làm đất ông bị thiếu diện tích quá nhiều. Do đó nay ông P yêu cầu ông Nguyễn Sinh T và bà Phạm Thị Mỹ L di dời hàng rào và các cây trồng để trả lại phần đất có diện tích là 173,2m^2. Bị đơn Nguyễn Sinh T cho rằng đất tranh chấp là đất của ông nên không đồng ý di dời tài sản trả đất cho ông P, phần đất này gia đình ông T đã sử dụng ổn định từ trước đến nay, năm 2014 nhà nước tiến hành thủ tục đo Vlap thì cha ông P với các chủ đất xung

quanh đều có ra chỉ ranh cắm trụ đến khi Vlap xuống đo là đo theo trụ ranh đã thống nhất. Hội đồng xét xử xét thấy: theo xác minh tại địa phương thì phần đất tranh chấp do phía ông T đã sử dụng ổn định từ trước đến nay, đồng thời qua xem xét hoạ đồ đo đạc thực tế đất ngày 08/5/2022 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B cung cấp thì phần đất của ông P đang quản lý sử dụng (có diện tích là 3312,7m^2), nếu cộng phần diện tích đất tranh chấp 173,2 m^2 vào phần đất của ông P thì diện tích đất của ông P là 3.485,9 m^2, nhiều hơn phần đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P vào năm 2015 là 197,6m^2. Đối với phần đất ông T đang sử dụng, không tranh chấp có diện tích là 6276,5m^2, nếu cộng phần tranh chấp 173,2 m^2 vào đất ông T thì diện tích đất ông T là 6449,7m^2, như vậy so với diện tích đất ông T được cấp năm 2015 thì phần đất của ông T thiếu 24,5m^2.

Ông P cho rằng khi tiến hành đo Vlap thì ông T đã lấn ranh vào phần đất của ông, tuy nhiên ông P không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đồng thời tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất vào ngày 02/10/2014, ông P đã ký tên xác nhận và biết được diện tích phần đất của mình là 3288,3 m^2 nhưng ông P không có bất kì khiếu nại gì.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp diện tích 173,2m^2 là đất của gia đình ông T. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc phía bị đơn di dời tài sản và trả lại phần đất có diện tích là 173,2m^2 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của ông P về việc yêu cầu phía bị đơn bồi thường thiệt hại 4 cây dừa theo giá hội đồng đã định giá ngày 01/7/2022 là: 1.650.000đ/cây x 04 cây = 6.600.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm ông T và bà L cũng đồng ý bồi thường thiệt hại 4 cây dừa theo giá hội đồng đã định giá ngày 01/7/2022 với số tiền là 6.600.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của ông P là có căn cứ.

[3] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chúng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của ông Nguyễn Hữu P không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS, Điều 175, 197, 199, 221, 688 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Sinh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ L phải di dời hàng rào trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P phần đất qua đo đạc thực tế là 173,2m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 2 thuộc phần số [4] của bản vẽ ngày 08/5/2022, đất tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ đo ngày 08/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại 04 cây dừa bị xâm phạm. Buộc bị đơn ông Nguyễn Sinh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới bồi thường 4 cây dừa với số tiền là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về chi phí tố tụng: 9.082.000 đồng (Chín triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng) do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P về tranh chấp quyền sử dụng đất không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu và đã thanh toán xong.

4/ Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Nguyễn Hữu P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006588 ngày 05/02/2022 và biên lai thu số 0008785 ngày 22/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Ông Nguyễn Hữu P được nhận lại số tiền án phí còn dư là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

4.2 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Sinh T và bà Phạm Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới phải nộp án phí là 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

4.3 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008877 ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre ;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Đạt